

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	31/03/2025	31/12/2024
A	B	C	1	2
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		384,227,957,531	386,994,432,085
I. Tài sản tài chính	110		384,101,189,122	386,666,154,358
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	363,844,514,037	165,887,502,307
1.1. Tiền	111.1		48,844,514,037	15,887,502,307
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		315,000,000,000	150,000,000,000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112		-	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6	-	215,000,000,000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	
7. Các khoản phải thu	117	7	2,057,780,821	5,531,452,051
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		2,057,780,821	5,531,452,051
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	-
8. Trả trước cho người bán	118	8	18,748,894,264	647,200,000
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	-	150,000,000
12. Các khoản phải thu khác	122	10	38,885,000,000	38,885,000,000
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	12	(39,435,000,000)	(39,435,000,000)

II. Tài sản ngắn hạn khác	130		126,768,409	328,277,727
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		14,999,999	
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		111,768,410	328,277,727
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		4,494,248,693	556,714,291
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		3,966,886,152	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		527,362,541	556,714,291
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		2,669,336	
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	11	524,693,205	556,714,291
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		388,722,206,224	387,551,146,376
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		47,946,893	1,520,463,248
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		47,946,893	1,520,463,248
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		15,064,000	
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		968,654	1,270,046,582
11. Phải trả người lao động	323		31,914,239	70,416,666
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325			180,000,000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU				
(400 = 410 + 420)	400		388,674,259,331	386,030,683,128
I. Vốn chủ sở hữu	410		388,674,259,331	386,030,683,128
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13.1	500,000,000,000	500,000,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		500,000,000,000	500,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		500,000,000,000	500,000,000,000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	13.2	(111,325,740,669)	(113,969,316,872)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(111,325,740,669)	(113,969,316,872)
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		388,722,206,224	387,551,146,376

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	31/03/2025	31/12/2024
A	B	C	1	2
A.TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4	14.1	10,547,688,624	10,547,688,624
5. Ngoại tệ các loại	5			
6. Cổ phiếu đang lưu hành	6	13.5	50,000,000	50,000,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1.Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	14.2	417,740,000	417,740,000
a.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	21.1		417,740,000	417,740,000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	14.3	22,660,000	22,660,000
a.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22.1		22,660,000	22,660,000
7. Tiền gửi của khách hàng	26		125,024,297	123,700,262
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27		103,835,690	103,835,690
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	30		21,188,607	19,864,572
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31		103,835,690	103,835,690
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31.1		103,835,690	103,835,690
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	35		21,188,607	19,864,572

TP.Hà Nội, Ngày. 18..Tháng. 04.Năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)



LÊ THỊ NHI



LÊ THỊ NHI



TRẦN ĐÌNH KHÁNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Quý I.2025

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2025	Quý 1.2024
A	B	C	1	2
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	2	15	4,297,589,044	
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 đến 11)	20		4,297,589,044	0
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	16	99,000,000	87,000,000
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	16	5,033,838	
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 đến 32)	40		104,033,838	87,000,000
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	17	21,702,163	112,547,358
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 đến 44)	50		21,702,163	112,547,358
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 đến 55)	60		0	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		0	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	18	1,526,969,166	240,591,749
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 - 60-61-62)	70		2,688,288,203	-215,044,391
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71			13,000
8.2. Chi phí khác	72	19	44,712,000	9,713,117
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		-44,712,000	-9,700,117
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		2,643,576,203	(224,744,508)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		2,643,576,203	
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92			
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		0	0

10.1.Chỉ phí thuế TNDN hiện hành	100.1			
10.2.Chỉ phí thuế TNDN hoãn lại	100.2			
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200	20	2,643,576,203	(224,744,508)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	21	53	-10
13.2.Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		53	-10

TP.Hà Nội, Ngày 18 Tháng 04 Năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
 PHÁP LUẬT
 PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC**
 (Ký, họ tên, đóng dấu)







LÊ THỊ NHI

LÊ THỊ NHI

TRẦN ĐÌNH KHÁNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I.2025

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2025	Quý 1.2024
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1		2,643,576,203	(224,744,508)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	2		(21,702,163)	(44,191,500)
- Khấu hao TSCĐ	3			68,355,858
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	7		(21,702,163)	(112,547,358)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10			
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18			
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		199,248,300,593	(340,733,029)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31			
- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		215,000,000,000	
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		3,473,671,230	
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		150,000,000	
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38			
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(18,101,694,264)	59,212,830
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		216,509,317	(6,248,753)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(180,000,000)	
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(17,669,335)	
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		15,064,000	49,500,000
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(1,269,077,928)	(365,777,727)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(38,502,427)	
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50			(91,666,666)

- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52			14,247,287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		201,870,174,633	(609,669,037)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(3,966,886,152)	
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		53,723,249	112,547,358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(3,913,162,903)	112,547,358
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		197,957,011,730	(497,121,679)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		165,887,502,307	97,290,762,058
- Tiền	101.1		15,887,502,307	97,290,762,058
- Các khoản tương đương tiền	101.2		150,000,000,000	
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102			
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		363,844,514,037	96,793,640,379
- Tiền	103.1		48,844,514,037	96,793,640,379
- Các khoản tương đương tiền	103.2		315,000,000,000	
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104			

TP.Hà Nội, Ngày..18..Tháng..04..Năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)



LÊ THỊ NHI



LÊ THỊ NHI



TRẦN ĐÌNH KHÁNH

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Quý I.2025

ĐVT: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2025	Quý 1.2024
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		1,324,035	1,236,275
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		1,324,035	1,236,275
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		123,700,262	111,358,194
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		123,700,262	111,358,194
-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		103,835,690	103,835,690
-Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		19,864,572	7,522,504
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		125,024,297	112,594,469
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		125,024,297	112,594,469
-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		103,835,690	103,835,690
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		21,188,607	8,758,779

TP.Hà Nội, Ngày . 18 . Tháng . 04 . Năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)



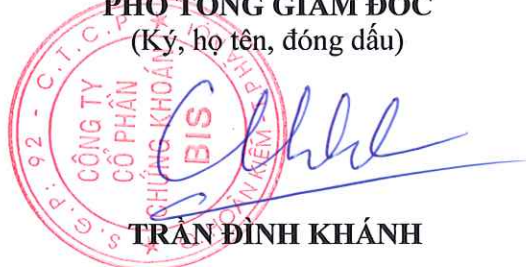
LÊ THỊ NHI

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



LÊ THỊ NHI

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 (Ký, họ tên, đóng dấu)



TRẦN ĐÌNH KHÁNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Quý I.2025

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		N-1 01/01/2024	N 01/01/2025	Quý I.2024		Quý I.2025		N-1 31/03/2024	N 31/03/2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		220,000,000,000	500,000,000,000		-		-	220,000,000,000	500,000,000,000
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(120,673,542,574)	(113,969,316,872)		224,744,508	2,643,576,203	-	(120,898,287,082)	(111,325,740,669)
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(120,673,542,574)	(113,969,316,872)		224,744,508	2,643,576,203	0	(120,898,287,082)	(111,325,740,669)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện									
Tổng cộng		99,326,457,426	386,030,683,128		224,744,508	2,643,576,203	-	99,101,712,918	388,674,259,331

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)


Lê Thị Nhi

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Lê Thị Nhi

TP.Hà Nội, Ngày..18..Tháng..04..Năm 2025
TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Văn Đình Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I.2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam) (sau đây được gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi tắt là “UBCKNN”) cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 39/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2024, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 19/06/2024. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND.

Trụ sở của Công ty đặt tại: Số 2D, phố Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 22 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Hạn chế cho vay

Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 8 năm 2015.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/ TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về “Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán” và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư được bao gồm:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán

Hạn chế đầu tư (tiếp)

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty TNHH hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh;

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam (“VND”) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.2

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục

02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

4.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán:

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán:

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc uỷ thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán:

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xoá lệnh và khớp lệnh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

- Các tài sản tài chính thoả mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau khi nhận ban đầu theo giá gốc dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc năm tài chính, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với các tài sản thế chấp là chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các tài sản thế chấp chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (OTC) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chi tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian hữu dụng ước tính (năm)
- Máy móc, thiết bị	02 - 04
- Phương tiện vận tải	03 - 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07
- Tài sản cố định hữu hình khác	03

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

• Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông

Doanh thu (Tiếp)

• Thu nhập hoạt động khác:

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành, doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty
- Công ty TNHH Đầu tư Gkey Homes (trước đây là “Công ty TNHH Hưng An Điền”): Cổ đông lớn.
- Và các bên liên quan khác được công bố trên Báo cáo tình hình quản trị Công ty ngày 23/01/2025.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
- Tiền mặt (i)	1,450,808,388	808,388
- Tiền gửi ngân hàng (ii)	47,393,705,649	15,886,693,919
Các khoản tương đương tiền	315,000,000,000	150,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (iii)	315,000,000,000	150,000,000,000
Cộng	363,844,514,037	165,887,502,307

6. KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
- Chứng chỉ tiền gửi	-	215,000,000,000
Cộng	-	215,000,000,000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	2,057,780,821	5,531,452,051
Cộng	2,057,780,821	5,531,452,051

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
- Văn phòng luật sư Nguyễn Thế Quyền	400,000,000	400,000,000
- Công ty luật Tuấn Minh	150,000,000	150,000,000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY		97,200,000
- CÔNG TY TNHH TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP CMC	15,936,485,841	
- CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI M	1,562,408,423	
- CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH GOLINE	700,000,000	
Cộng	18,748,894,264	647,200,000

9. PHẢI THU DỊCH VỤ CTCK

	31/03/2025 VND	31/12/2024 VND
- Công ty CP giải pháp sạc xe điện Icharge		150,000,000
Cộng	-	150,000,000

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/03/2025 VND	31/12/2024 VND
- Tổng Công ty Bất động sản Đông Á	22,000,000,000	22,000,000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái	7,000,000,000	7,000,000,000
- Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC	9,500,000,000	9,500,000,000
- Khương Tuấn Sơn	385,000,000	385,000,000
- Phải thu khác	-	-
Cộng	38,885,000,000	38,885,000,000

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/03/2025 VND	31/12/2024 VND
- Tiền nộp ban đầu	464,283,900	464,283,900
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	60,409,305	92,430,391
Cộng	524,693,205	556,714,291

12. DỰ PHÒNG SUY GIẢM CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi Ngày 31/12/2024	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025			
		31/12/2024	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	31/03/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng trả trước cho người bán	550,000,000	550,000,000	-	-	550,000,000
- Luật sư Nguyễn Tổ Loan	-		-		-
- Văn phòng luật sư Nguyễn Thế Quyền	400,000,000	400,000,000	-	-	400,000,000
- Công ty Luật Tuấn Minh	150,000,000	150,000,000	-	-	150,000,000
2. Dự phòng nợ khoản phải thu khác	38,885,000,000	38,885,000,000	-	-	38,885,000,000
- Tổng Công ty Bất động sản Đông Á	22,000,000,000	22,000,000,000	-	-	22,000,000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái	7,000,000,000	7,000,000,000	-	-	7,000,000,000
- Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC	9,500,000,000	9,500,000,000	-	-	9,500,000,000
- Khương Tuấn Sơn	385,000,000	385,000,000	-	-	385,000,000
Cộng	39,435,000,000	39,435,000,000	-	-	39,435,000,000

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	31/03/2025		31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư Gkey Homes	245,000,000,000	49.00%	245,000,000,000	49.00%
- Bà Phạm Lê Tú Uyên	100,000,000,000	20.00%	100,000,000,000	20.00%
- Bà Phan Thanh Trà	84,571,500,000	16.91%	84,571,500,000	16.91%
- Bà Đặng Hồng Thi	70,428,500,000	14.09%	70,428,500,000	14.09%
Cộng	500,000,000,000	100%	500,000,000,000	100%

13.2 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối		
- Lợi nhuận đã thực hiện	(111,325,740,669)	(113,969,316,872)
	(111,325,740,669)	(113,969,316,872)

13.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	500,000,000,000	500,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm		-
+ Vốn góp cuối năm	500,000,000,000	500,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

13.4 CỔ PHIẾU

	31/03/2025	31/12/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50,000,000	50,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50,000,000	50,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	50,000,000	50,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50,000,000	50,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	50,000,000	50,000,000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10,000</i>	<i>10,000</i>

13.5 CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN LƯU HÀNH TRONG NĂM

	31/03/2025	31/12/2024
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	50,000,000	50,000,000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm		-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	50,000,000	50,000,000

14. THUYẾT MINH CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

14.1 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 29/06/2022 và ngày 31/05/2022, Công ty đã thông qua xóa bỏ công nợ của Công ty đối với các khoản phải thu, đầu tư, tồn đọng từ lâu, không ghi chi tiết đối tượng phải thu, không có hồ sơ lưu liên quan. Theo đó, Công ty đã ghi giảm các khoản phải thu, đầu tư này và giảm dự phòng tương ứng.

Đối tượng	Tại 31/03/2025 VND	Tại 31/12/2024 VND
Tổng Thị Bích Đào	393,799,261	393,799,261
Nguyễn Văn Chuyên	470,911,000	470,911,000
Lã Quốc Hùng	413,000,000	413,000,000
Vũ Cát Sự	266,294,346	266,294,346
Huỳnh Thiện Phúc Ngủ	151,583,806	151,583,806
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden	224,200,000	224,200,000
Nguyễn Thị Hằng Nga	2,752,765,225	2,752,765,225
Nguyễn Văn Chuyên	306,404,644	306,404,644
Nguyễn Hữu Minh	416,757,878	416,757,878
Lê Hoàng Tuấn	607,012,515	607,012,515
Nguyễn Thị Vui	544,355,109	544,355,109
Trần Thị Hồng Anh	580,999,605	580,999,605
Đối tượng khác	3,419,605,235	3,419,605,235
	10,547,688,624	10,547,688,624

14.2 CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

	31/03/2025	31/12/2024
	CP	CP
- Cổ phiếu đang lưu hành	50,000,000	50,000,000
Cộng	50,000,000	50,000,000

14.3 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	417,740,000	417,740,000
Cộng	417,740,000	417,740,000

14.4 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22,660,000	22,660,000
Cộng	22,660,000	22,660,000

14.5 TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103,835,690	103,835,690
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	103,835,690	103,835,690
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	21,188,607	19,864,572
Cộng	125,024,297	123,700,262

14.6 PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/03/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103,835,690	103,835,690
- Nhà đầu tư trong nước	103,835,690	103,835,690
Cộng	103,835,690	103,835,690

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

	Q1.2025	Q1.2024
	VND	VND
- Doanh thu dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	4,297,589,044	-
Cộng	4,297,589,044	-

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Q1.2025	Q1.2024
	VND	VND
- Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	99,000,000	87,000,000
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5,033,838	-
Cộng	104,033,838	87,000,000

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Q1.2025	Q1.2024
	VND	VND
- Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng	21,702,163	112,547,358
Cộng	21,702,163	112,547,358

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Q1.2025	Q1.2024
	VND	VND
- Chi phí lương và các khoản phúc lợi	1,447,595,187	159,848,810
- Chi phí khấu hao TSCĐ		68,355,858
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	3,000,000	3,000,000
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	76,373,979	3,552,267
- Chi phí bằng tiền khác		5,834,814
Cộng	1,526,969,166	240,591,749

19. CHI PHÍ KHÁC

	Q1.2025 VND	Q1.2024 VND
- Chi phí khác	44,712,000	9,713,117
Cộng	44,712,000	9,713,117

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Q1.2025 VND	Q1.2024 VND
- Lợi nhuận kế toán đã thực hiện trước thuế	2,643,576,203	(224,744,508)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Trừ: Chuyển lỗ</i>		
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>		-
- Thu nhập chịu thuế	2,643,576,203	(224,744,508)

21. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Q1.2025 VND	Q1.2024 VND
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2,643,576,203	(224,744,508)
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	50,000,000	22,000,000
- Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	53	(10)

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ

giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh toán nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh toán cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phù trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh toán ngắn hạn và dài hạn hơn.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh toán của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh toán cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan bao gồm :

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024 VND
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	117,100,000	120,573,810

TP.Hà Nội, Ngày..18..Tháng..04..Năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)



LÊ THỊ NHI

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



LÊ THỊ NHI

**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TRẦN ĐÌNH KHÁNH